|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TỈNH QUẢNG NAM** | **KỲ THI HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **Môn thi: Địa lí**  **Thời gian: 150 phút** (*không kể thời gian giao đề*)  **Ngày thi:** **19/4/2023** |

**HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN ĐỊA LÍ**

**I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

1) Cán bộ chấm thi chấm đúng như hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm.

2) Hướng dẫn chấm chủ yếu theo hướng *“mở”,* chỉ nêu những ý chính, từ đó phát triển các ý cụ thể. Trong quá trình chấm cần quan tâm đến lí giải, lập luận của thí sinh. Nếu có câu nào, ý nào mà thí sinh có cách trả lời khác với hướng dẫn chấm nhưng đúng, thì vẫn cho điểm tối đa của câu, ý đó theo thang điểm.

**II. HƯỚNG DẪN CHẤM CHI TIẾT**

| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1**  **(3,0đ)** | **a** | **Chứng minh dân cư nước ta phân bố chưa hợp lí.** | **2,0** |
| - Phân bố không đều giữa đồng bằng và miền núi. | 0,25 |
| + Dân cư tập trung đông ở đồng bằng, thưa thớt ở miền núi. | 0,25 |
| + Dẫn chứng mật độ dân số đồng bằng. VD: Đồng bằng sông Hồng mật độ dân số cao nhất nước (từ 1001-2000 người/km2) (2007). | 0,25 |
| + Dẫn chứng mật độ dân số miền núi. VD: Tây Nguyên, Tây Bắc mật độ dân số thấp nhất nước (từ 50-100 người/ km2) (2007). | 0,25 |
| - Phân bố không đều giữa nông thôn và thành thị. | 0,25 |
| + Dẫn chứng tỉ lệ dân nông thôn, thành thị. | 0,25 |
| - Phân bố dân cư còn chưa hợp lí ngay trong nội bộ từng vùng. | 0,25 |
| + Nêu dẫn chứng. VD: Trong vùng Đồng bằng sông Hồng, dân cư tập trung đông đúc ở vùng trung tâm và vùng ven biển; thưa thớt ở phía tây, tây nam và phía nam. | 0,25 |
| **b** | **Giải thích tại sao vùng Đông Nam Bộ có tỉ lệ thiếu việc làm thấp.** | **1,0** |
| - Nền kinh tế phát triển nhất cả nước; tập trung các trung tâm kinh tế, trung tâm công nghiệp… | 0, 5 |
| - Thu hút mạnh đầu tư, cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh… khả năng tạo việc làm lớn. | 0,5 |
| **2**  **(5,0đ)** | **a** | **Tại sao trong phát triển ngành thủy sản, nước ta cần đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản?** | **2,0** |
| - Nước ta có điều kiện thuận lợi, còn nhiều tiềm năng để phát triển nuôi trồng thủy sản. | 0,5 |
| - Chủ động được đối tượng nuôi, thời điểm thu hoạch đáp ứng nhu cầu thị trường, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến... | 0,5 |
| - Các sản phẩm nuôi trồng, nhất là những loại đặc sản mang lại hiệu quả kinh tế cao. | 0, 5 |
| - Góp phần hạn chế khai thác quá mức nguồn lợi thủy sản tự nhiên, đảm bảo ngành thủy sản được phát triển bền vững. | 0,5 |
|  | *Nếu thí sinh nêu chưa đủ các ý trên nhưng nêu được ý:* Đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đa dạng của thị trường *thì chấm 0,25 điểm.* |  |
| **b** | **Trình bày hiện trạng phát triển ngành giao thông vận tải đường bộ của nước ta.** | **2,0** |
| - Về cơ bản mạng lưới đường bộ phân bố rộng khắp cả nước. | 0,25 |
| - Vận tải đường bộ chuyên chở được nhiều hàng hóa và hành khách nhất/ được đầu tư nhiều nhất. | 0, 5 |
| - Các tuyến đường quan trọng đang được mở rộng, nâng cấp: Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, nhiều tuyến quốc lộ chạy theo hướng Đông - Tây. | 0,5 |
| - Các ý khác:  + Nhiều phà lớn được thay bằng cầu nên giao thông được thông suốt.  + Xây dựng đường hầm qua các đèo lớn; các tuyến đường cao tốc.  + Đường bộ nước ta đang hội nhập vào hệ thống đường bộ trong khu vực.  *(Thí sinh nêu được 2 ý trong 3 ý trên thì chấm 0,5 điểm)* | 0, 5 |
| - Còn nhiều đường hẹp và xấu. | 0,25 |
| **Tại sao quốc lộ 1A là tuyến đường bộ quan trọng nhất cả nước?** | **1,0** |
| - Là tuyến đường huyết mạch của hệ thống đường bộ nước ta, có khả năng kết hợp với nhiều tuyến đường khác và nhiều loại hình vận tải khác nhau. | 0,25 |
| - Nối các vùng kinh tế (trừ Tây Nguyên); đi qua nhiều trung tâm kinh tế, đô thị lớn của nước ta. | 0,25 |
| - Là tuyến đường bộ dài nhất, vận chuyển nhiều hàng hóa và hành khách nhất. | 0,25 |
| - Thúc đẩy phân bố dân cư, khai thác thế mạnh của các vùng kinh tế… | 0,25 |
| **3**  **(6,0đ)** | **a** | **So sánh thế mạnh trong sản xuất lương thực thực phẩm giữa vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.** | **4,0** |
| \* Giống nhau: | ***2,0*** |
| - Về quy mô:  + Đều là những đồng bằng châu thổ rộng lớn.  + Là những vùng trọng điểm sản xuất lương thực thực phẩm của nước ta. | 0,5 |
| - Hai vùng đều có thế mạnh về sản xuất lương thực thực phẩm. |  |
| + Địa hình tương đối bằng phẳng, đất phù sa màu mỡ do sông ngòi bồi đắp. | 0,25 |
| + Nguồn nhiệt, ẩm dồi dào, mưa nhiều thuận lợi cho cây trồng phát triển. | 0,25 |
| + Có các hệ thống sông lớn cung cấp nước, phù sa cho cây trồng. | 0,25 |
| + Nguồn lợi sinh vật biển đa dạng, có các bãi tôm, bãi cá lớn. | 0,25 |
| + Dân cư đông, lao động dồi dào, có kinh nghiệm trong sản xuất lương thực thực phẩm. | 0,25 |
| + Các ý khác: Nhiều cơ sở công nghiệp chế biến, có các đô thị, thị trường tiêu thụ lớn… | 0,25 |
| \* Khác nhau: | **2,0** |
| - Về quy mô: ĐBSCL là vùng trọng điểm số 1, ĐBSH là vùng trọng điểm lớn thứ hai về sản xuất lương thực thực phẩm. | 0,25 |
| - ĐBSCL có thế mạnh tự nhiên lớn hơn ĐBSH. | 0,25 |
|  | + Diện tích đất lớn hơn, được phù sa bồi đắp hằng năm. | 0,25 |
| + Khí hậu có tính chất cận xích đạo, nóng quanh năm thuận lợi thâm canh, tăng vụ. | 0,25 |
| + Nguồn lợi sinh vật phong phú hơn, có ngư trường rộng lớn. | 0,25 |
| - ĐBSH có thế mạnh kinh tế - xã hội hơn ĐBSCL. | 0,25 |
| + Dân cư đông hơn, trình độ thâm canh cao nhất nước, năng suất lúa dẫn đầu cả nước. | 0,25 |
| + Cơ sở hạ tầng hoàn thiện, có trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm lớn. | 0,25 |
| *Nếu thí sinh chưa nêu đủ các ý trên nhưng nêu được các ý khác:* ĐBSH có thế mạnh trồng cây ưa lạnh vụ đông; ĐBSCL có thế mạnh về thủy sản, chăn nuôi vịt đàn…*thì mỗi ý chấm 0,25 điểm nhưng không vượt quá 2,0 điểm* ***(trong phần so sánh khác nhau).*** |  |
| **b** | **Tại sao phải khai thác tổng hợp các nguồn tài nguyên biển - đảo của nước ta?** | **2,0** |
| - Biển - đảo nước ta giàu các nguồn tài nguyên: sinh vật, khoáng sản, du lịch, giao thông vận tải/ là cơ sở phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển. | 0,5 |
| - Khai thác tổng hợp các nguồn tài nguyên biển - đảo đảm bảo cho sự khai thác hợp lí, mang lại hiệu quả kinh tế cao. | 0,5 |
| - Môi trường biển không thể chia cắt; môi trường đảo nhạy cảm trước tác động của con người. Vì vậy, khai thác tổng hợp các nguồn tài nguyên biển - đảo giúp bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường biển. | 0,5 |
| - Khai thác tổng hợp các nguồn tài nguyên biển - đảo là cơ sở để khẳng định chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đảm bảo an ninh quốc phòng nước ta. | 0,5 |
| **4**  **(2,0đ)** | **a** | **Kể tên các khu kinh tế cửa khẩu của vùng Bắc Trung Bộ:**  Cầu Treo, Cha Lo, Lao Bảo, A Đớt.  *(Kể đúng mỗi cửa khẩu được: 0,125đ)* | **0,5** |
| **b** | **Hiện trạng phát triển và phân bố công nghiệp của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.** | **1,5** |
| - Giá trị sản xuất công nghiệp của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ liên tục tăng, tốc độ tăng trưởng công nghiệp nhanh. | 0,25 |
| - Có các trung tâm công nghiệp có quy mô từ 9 - 40 nghìn tỉ đồng: Đà Nẵng, Nha Trang; dưới 9 nghìn tỉ đồng: Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Phan Thiết. | 0,25 |
| - Đã hình thành các trung tâm công nghiệp phân bố dọc ven biển: Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang… | 0,5 |
| - Cơ cấu ngành đa dạng: cơ khí, hóa chất, dệt, may, chế biến thực phẩm… | 0,5 |
| *Nếu thí sinh nêu chưa đủ các ý trên nhưng nêu được các ý khác:*  + Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung được hình thành giúp công nghiệp của vùng ngày càng phát triển.  + Đã xây dựng các nhà máy thủy điện: A Vương, Sông Hinh,...  *(Mỗi ý cho 0,25 điểm nhưng không vượt quá 1,5 điểm của ý b câu 4.)* |  |
| **5**  **(4,0đ)** | **a** | **Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện quy mô và cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2005 và 2020**. | **2,0** |
| **Tính bán kính biểu đồ tròn:**  Nếu R 2005 = 1 đvbk thì R 2020 =  = 1,1 đvbk  **Xử lí số liệu:**  **Cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo**  **thành phần kinh tế ở nước ta năm 2005 và năm 2020** (*%)*.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Năm** | **2005** | **2020** | | **Tổng số** | 100,0 | 100,0 | | **Kinh tế Nhà nước** | 11,6 | 7,6 | | **Kinh tế ngoài Nhà nước** | 85,8 | 83,5 | | **Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài** | 2,6 | 8,9 |   *(Thí sinh có thể lấy 1 hoặc 2 chữ số thập phân)* | 0, 5  0,5 |
| **\* Vẽ biểu đồ:** Hai biểu đồ hình tròn, có độ lớn bán kính theo tỉ lệ đã tính (vẽ các loại biểu đồ khác không chấm điểm)  Yêu cầu: Thẩm mỹ, tương đối chính xác, có đủ các tiêu chí: tên biểu đồ, kí hiệu, chú giải, số liệu, đơn vị, năm.  *(Thiếu hoặc sai mỗi tiêu chí trừ 0,25 điểm).* | 1,5 |
| **b** | **Nhận xét và giải thích về cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo thành phần kinh tế ở nước ta giai đoạn 2005 – 2020.** | **1,5** |
| ***Nhận xét:***  - Lao động ở thành phần kinh tế ngoài Nhà nước chiếm tỉ trọng cao nhất; ở thành phần kinh tế Nhà nước và thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỉ trọng thấp. | 0, 5 |
| **- Giảm tỉ trọng lao động ở thành phần kinh tế Nhà nước và kinh tế ngoài Nhà nước, tăng tỉ trọng lao động ở thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (dẫn chứng).**  ***(Thiếu dẫn chứng chỉ chấm 0,25đ)*** | 0,5 |
| ***Giải thích:***  **- Là kết quả của việc thực hiện chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. (Kết quả của việc thực hiện Công cuộc Đổi mới).** | 0,25 |
| **- Nước ta khuyến khích phát triển thành phần kinh tế ngoài Nhà nước, thực hiện thu hút đầu tư nước ngoài…** | 0,25 |

----- HẾT -----